

TRẮC NGHIỆM

BÀI 34: SINH TRƯỞNG Ở THỰC VẬT

Câu 1: Giải phẫu mặt cắt ngang thân sinh trưởng thứ cấp theo thứ tự từ ngoài vào trong thân là:

- A. Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây thứ cấp → Mạch rây sơ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.
 B. Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ sơ cấp → Gỗ thứ cấp → Tuỷ.
 C. Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.
 D. Tầng sinh bần → Bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

Câu 2: Những nét hoa văn trên đồ gỗ có xuất xứ từ:

- A. cây có vòng đời trung bình
 B. vòng năm
 C. cây có vòng đời dài
 D. cây có vòng đời ngắn

Câu 3: Đặc điểm nào **không** có ở sinh trưởng thứ cấp?

- A. Làm tăng kích thước chiều ngang của cây.
 B. Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.
 C. Diễn ra hoạt động của tầng sinh bần.
 D. Diễn ra hoạt động của mô phân sinh bên.

Câu 4: Mô phân sinh bên và phân sinh lông có ở vị trí nào của cây?

- A. Mô phân sinh bên có ở thân cây hai lá mầm, còn mô phân sinh lông có ở thân cây một lá mầm.
 B. Mô phân sinh bên và mô phân sinh lông có ở thân cây một lá mầm.
 C. Mô phân sinh bên có ở thân cây một lá mầm, còn mô phân sinh lông có ở thân cây hai lá mầm.
 D. Mô phân sinh bên và mô phân sinh lông có ở thân cây hai lá mầm.

Câu 5: Cây ngô sinh trưởng nhanh ở nhiệt độ:

- A. 22→35°C
 B. 15→37°C
 C. 37→44°C
 D. 10→ 37°C

Câu 6: Đặc điểm nào **không** có ở sinh trưởng sơ cấp?

- A. Diễn ra hoạt động của mô phân sinh đỉnh.
 B. Làm tăng kích thước chiều dài của cây.
 C. Diễn ra hoạt động của tầng sinh bần.
 D. Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm khi còn non.

Câu 7: Nồng độ ôxi giảm xuống bao nhiêu thì sinh trưởng của thực vật bị ức chế?

- A. Dưới 15%
 B. Dưới 10%
 C. Dưới 20%
 D. Dưới 5%

Câu 8: Sinh trưởng thứ cấp của cây là:

- A. Sự tăng trưởng chiều ngang của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh bên và chỉ có ở cây một lá mầm.
 B. Sự sinh trưởng của thân và rễ theo chiều ngang do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.
 C. Sự tăng trưởng chiều ngang của cây do hoạt động phân hoá của mô phân sinh đỉnh ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.
 D. Sự tăng trưởng chiều ngang của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh bên và chỉ có ở cây hai lá mầm.

Câu 9: Mô phân sinh đỉnh không có ở vị trí nào của cây?

- A. Ở đỉnh rễ.
 B. Ở chồi đỉnh.
 C. Ở chồi nách.
 D. Ở thân.

Câu 10: Mô phân sinh là nhóm các tế bào:

- A. Đã phân hóa, tri được khả năng nguyên phân
 B. Đã phân chia, tri được khả năng nguyên phân
 C. Chưa phân hóa, không tri được khả năng nguyên phân
 D. Chưa phân hóa, duy tri được khả năng nguyên phân

Câu 11: Sinh trưởng sơ cấp ở thực vật là sự sinh trưởng làm tăng chiều dài của thân và rễ do hoạt động phân bào nguyên phân của mô phân sinh

- A. đỉnh. B. bên.
C. lóng. D. đỉnh, chỉ xảy ra ở cây một lá mầm.

Câu 12: Trong sản xuất nông nghiệp người ta nhổ mạ lên rồi cấy nhằm mục đích:

- A. Giúp cây lúa dễ nhánh tốt
B. Làm đứt đỉnh rễ giúp bộ rễ phát triển mạnh
C. Làm đất thoáng khí
D. Kìm hãm sự phát triển của lúa chống lốp đổ

Bài 35 : HOOCMON THỰC VẬT

Câu 1: Hoocmon thực vật có tính chuyên hóa:

- A. không có tính chuyên hóa B. cao hoocmon ở động vật bậc cao
C. vừa phải D. thấp hơn hoocmon ở động vật bậc cao

Câu 2: Hoocmôn thực vật nào sau đây có vai trò thúc quả chóng chín, rụng lá?

- A. AIA. B. Êtilen. C. GA. D. Xitôkinin.

Câu 3: Tương quan hoocmôn GA/AAB trong hạt nảy mầm như sau:

- A. GA và AAB giảm mạnh
B. AAB tăng nhanh, đạt trị số cực đại; GA giảm mạnh.
C. GA tăng nhanh, đạt trị số cực đại; AAB giảm mạnh.
D. GA và AAB đạt trị số cực đại.

Câu 4: Những hoocmôn môn thực vật thuộc nhóm ức chế sự sinh trưởng là:

- A. Gibêrelin, êtylen. B. Auxin, xitôkinin.
C. Auxin, gibêrelin. D. Etylen, Axit abxixic.

Câu 5: Auxin có vai trò:

- A. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra quả.
B. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra hoa.
C. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra lá.
D. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra rễ phụ.

Câu 6: Hoocmôn kích thích gồm các loại:

- A. xitôkinin, êtilen. B. auxin, gibêrelin, xitôkinin.
C. axit abxixic, êtilen. D. auxin, axit abxixic, êtilen.

Câu 7: Tương quan hoocmôn auxin/xitôkinin trong điều tiết sự phát triển mô callus như sau:

- A. Auxin và xitôkinin đều kích thích ra chồi
B. Ưu thế nghiêng về auxin, mô callus ra rễ; ưu thế nghiêng về xitôkinin, mô callus ra chồi
C. Ưu thế nghiêng về auxin, mô callus ra chồi; ưu thế nghiêng về xitôkinin, mô callus ra rễ
D. Auxin và xitôkinin đều kích thích ra rễ

Câu 8: Ý **không** phải là đặc điểm chung của hoocmôn thực vật là:

- A. với nồng độ rất thấp gây ra những biến đổi mạnh trong cơ thể.
B. tất cả mọi hoocmôn đều kích thích quá trình sinh trưởng - phát triển của cây
C. được tạo ra ở một nơi nhưng gây ra phản ứng ở một nơi khác trong cây. Trong cây hoocmôn được vận chuyển theo mạch gỗ và mạch rây.
D. tính chuyên hóa thấp hơn nhiều so với hoocmôn ở động vật bậc cao.

Câu 9: Êtylen có vai trò:

- A. Thúc quả chóng chín, rụng lá, kìm hãm rụng quả.
B. Thúc quả chóng chín, ức chế rụng lá và rụng quả.
C. Thúc quả chóng chín, rụng quả, kìm hãm rụng lá.
D. Thúc quả chóng chín, rụng lá, rụng quả.

Câu 10: Hoocmôn nào ảnh hưởng đến sự hình thành chồi ở mô callus (trong nuôi cấy tế bào và mô thực vật)?

- A. gibêrelin B. xitôkinin C. Auxin D. axit abxixic

Bài 36: PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT CÓ HOA

Câu 1: Cây ngày dài là:

- A. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng nhỏ hơn 12 giờ.

- B. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 8 giờ.
- C. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 14 giờ.
- D. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 10 giờ.

Câu 2: Sắc tố tiếp nhận ánh sáng trong phản ứng quang chu kì của thực vật là:

- A. diệp lục b
- B. phitôcrôm
- C. Carôtenôit
- D. diệp lục b và phitôcrôm

Câu 3: Các cây trung tính là:

- A. Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.
- B. Cà chua, lạc, ngô, hướng dương.
- C. Thanh long, cà tím, cà phê, hướng dương.
- D. Hành, cà rốt, cà phê, sen cạn, lúa.

Câu 4: Cây cà chua đến tuổi lá thứ mấy thì ra hoa?

- A. Lá thứ 14.
- B. Lá thứ 15.
- C. Lá thứ 12.
- D. Lá thứ 13.

Câu 5: Phitôcrôm là:

- A. sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin.
- B. sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là phi prôtêin.
- C. Sắc tố cảm nhận quang chu kì nhưng không cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin.
- D. Sắc tố cảm nhận quang chu kì nhưng không cảm nhận ánh sáng, có bản chất là phi prôtêin.

Câu 6: Tuổi của cây 1 năm được tính theo:

- A. số lá
- B. số cành
- C. số cành
- D. số chồi nách

Câu 7: Phitôcrôm P_{dx} có tác dụng:

- A. Làm cho hạt nảy mầm, hoa nở, khí khổng mở.
- B. Làm cho hạt nảy mầm, kìm hãm hoa nở và khí khổng mở.
- C. Làm cho hạt nảy mầm, khí khổng mở, ức chế hoa nở.
- D. Làm cho hạt nảy mầm, hoa nở, khí khổng đóng.

Câu 8: Florigen kích thích sự ra hoa của cây được sinh ra ở:

- A. Chồi nách.
- B. Rễ.
- C. Lá.
- D. Đỉnh thân.

Câu 9: Cây ngày ngắn là cây:

- A. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng ít hơn 12 giờ.
- B. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng ít hơn 8 giờ.
- C. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng nhiều hơn 14 giờ.
- D. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng ít hơn 10 giờ.

Câu 10: Các cây ngày dài là:

- A. Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.
- B. Hành, cà rốt, cà phê, mía, củ cải đường.
- C. Thanh long, dâu tây, lúa mì, rau bina.
- D. Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.

Câu 11: Hoạt động quan trọng của thực vật đánh dấu mốc của sự phát triển là

- A. đâm chồi.
- B. ra hoa.
- C. sự tăng về chiều dài của thân.
- D. đẻ nhánh.

Câu 12: Nhân tố **không** điều tiết sự ra hoa là

- A. hàm lượng oxi
- B. xuân hóa.
- C. tuổi cây.
- D. quang chu kì.

Bài 37: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT

Câu 1: Những động vật sinh trưởng và phát triển không qua biến thái là:

- A. Bọ ngựa, gà, châu chấu, tôm.
- B. Gà, cá chép, khỉ, rắn.
- C. Gà, ếch, rắn, muỗi.
- D. Bọ ngựa, cào cào, gà, cá chép.

Câu 2: Quá trình phát triển của động vật đẻ trứng gồm giai đoạn:

- A. hậu phôi
- B. Phôi thai và sau khi sinh
- C. phôi
- D. phôi và hậu phôi

Câu 3: Vì sao nói quá trình sinh trưởng - phát triển của muỗi thuộc loại biến thái hoàn toàn?

- A. Giai đoạn bọ gây khác muỗi trưởng thành về hoạt động sinh lí.
- B. Giai đoạn bọ gây khác muỗi trưởng thành về hình thái.
- C. Giai đoạn bọ gây khác muỗi trưởng thành về cấu tạo.
- D. Ấu trùng (bọ gây) rất khác muỗi trưởng thành về cấu tạo, sinh lí, và hình thái.

Câu 4: Phát triển qua biến thái hoàn toàn có đặc điểm là:

- A. Con non giống con trưởng thành.
- B. Con non tương tự con trưởng thành.

C. Con non khác con trưởng thành.

D. Con non phát triển chưa hoàn thiện.

Câu 5: “Con non có đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lí giống với con trưởng thành, không trải qua giai đoạn lột xác”. Đây là kiểu sinh trưởng và phát triển:

A. qua biến thái hoàn toàn.

B. qua biến thái không hoàn toàn.

C. không qua biến thái.

D. qua biến thái.

Câu 6: Vì sao nói quá trình sinh trưởng - phát triển của ếch thuộc loại biến thái hoàn toàn?

A. Giai đoạn nòng nọc rất giống ếch trưởng thành về cấu tạo, sinh lí, và hình thái.

B. Ấu trùng (nòng nọc) rất khác ếch trưởng thành về cấu tạo, sinh lí, và hình thái.

C. Giai đoạn nòng nọc khác ếch trưởng thành về hình thái.

D. Giai đoạn nòng nọc khác ếch trưởng thành về hoạt động sinh lí.

Câu 7: Quá trình phát triển của động vật đẻ con gồm giai đoạn:

A. hậu phôi

B. Phôi thai và sau khi sinh

C. phôi

D. phôi và hậu phôi

Câu 8: “Ấu trùng có đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lí rất khác với con trưởng thành, trải qua giai đoạn trung gian, ấu trùng biến đổi thành con trưởng thành”. Đây là kiểu sinh trưởng và phát triển:

A. qua biến thái hoàn toàn.

B. qua biến thái không hoàn toàn.

C. không qua biến thái.

D. qua biến thái.

Câu 9: Những động vật sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn là:

A. Gà, cá chép, ếch, bướm.

B. Bọ ngựa, gà, bướm, tôm.

C. Bướm, ếch, ong, muỗi.

D. Ong, cáo cáo, gà, bướm

Câu 10: Sơ đồ phát triển qua biến thái hoàn toàn ở bướm theo thứ tự nào sau đây:

A. Bướm → trứng → sâu → nhộng → bướm

B. Bướm → sâu → trứng → nhộng → bướm

C. Bướm → nhộng → sâu → trứng → bướm

D. Bướm → nhộng → trứng → sâu → bướm

Câu 11: Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo, sinh lí sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra gọi là

A. biến thái.

B. biến thái không hoàn toàn.

C. biến thái hoàn toàn.

D. phát triển không qua biến thái.

Câu 12: Những động vật nào sau đây phát triển qua biến thái không hoàn toàn?

A. Cánh cam, bọ rùa.

B. Bọ ngựa, cáo cáo.

C. Cá chép, khỉ, chó.

D. Bọ xít, ong, châu chấu.

Câu 13: Một học sinh đưa ra nhận định: “Sâu non phá hoại mùa màng, bướm không phá hoại mùa màng nên không cần tiêu diệt bướm”. Theo em, nhận định trên là

A. đúng, vì sâu non có tốc độ ăn lá rất lớn, chỉ cần tiêu diệt sâu non để bảo vệ mùa màng, không cần tiêu diệt bướm.

B. đúng, vì bướm giúp cho con người thụ phấn cho cây nên chỉ cần tiêu diệt sâu non ăn lá.

C. sai, cũng cần tiêu diệt bướm vì bướm vẫn ăn nhiều lá cây tích lũy năng lượng cần thiết cho giai đoạn hóa nhộng.

D. sai, cũng cần tiêu diệt bướm vì bướm sinh ra rất nhiều sâu non ăn lá phá hoại mùa màng.

Bài 38: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT

Câu 1: Ostrôgen được sinh ra ở:

A. Buồng trứng.

B. Tuyến giáp.

C. Tuyến yên.

D. Tinh hoàn.

Câu 2: Ecdixon có tác dụng:

A. Gây lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.

B. Gây lột xác của sâu bướm, ức chế sâu biến thành nhộng và bướm.

C. Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.

D. Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kìm hãm sâu biến thành nhộng và bướm.

Câu 3: Testostêron có vai trò:

A. Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.

- B. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái
- C. Kích thích chuyển hoá ở tế bào và kích thích sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- D. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.

Câu 4: Hậu quả đối với trẻ em khi thiếu tirôxin là:

- A. Các đặc điểm sinh dục phụ nam kém phát triển.
- B. Các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.
- C. Người nhỏ bé hoặc khổng lồ.
- D. Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.

Câu 5: Các loại hoocmon ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật không có xương sống là:

- A. testostêron và ostrôgen
- B. ecđixon và juvenin
- C. testostêron và ecđixon
- D. ostrôgen và juvenin

Câu 6: Thiếu vitamin nào thì động vật và người bị còi xương và chậm lớn?

- A. vitamin A
- B. vitamin B
- C. vitamin C
- D. vitamin D

Câu 7: Các loại hoocmon ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ của động vật có xương sống là:

- A. testostêron và ostrôgen
- B. ecđixon và juvenin
- C. ostrôgen và juvenin
- D. testostêron và ecđixon

Câu 8: Juvenin có tác dụng:

- A. Gây lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- B. Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- C. Gây lột xác của sâu bướm, ức chế sâu biến thành nhộng và bướm.
- D. Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kìm hãm sâu biến thành nhộng và bướm.

Câu 9: Ostrôgen có vai trò:

- A. Kích thích chuyển hoá ở tế bào và kích thích sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- B. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái
- C. Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- D. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.

Câu 10: Testostêron được sinh sản ra ở:

- A. Tuyến yên.
- B. Buồng trứng.
- C. Tinh hoàn.
- D. Tuyến giáp.

Câu 11: Nếu tuyến yên sản sinh ra quá ít hoặc quá nhiều hoocmôn sinh trưởng ở giai đoạn trẻ em sẽ dẫn đến hậu quả?

- A. Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.
- B. Các đặc điểm sinh dục phụ kém phát triển.
- C. Người bé nhỏ hoặc người khổng lồ.
- D. Còi xương và không hình thành các đặc điểm sinh dục phụ.

Câu 12: Vì sao sâu không biến được thành nhộng và bướm?

- A. Do thiếu hoocmon ecđixon.
- B. Do thiếu hoocmon ostrôgen.
- C. Do thiếu hoocmon testostêron.
- D. Do thiếu hoocmon tiroxin.

Câu 13: Ở động vật, hoocmon sinh trưởng được tiết ra từ

- A. tuyến yên.
- B. buồng trứng.
- C. tuyến giáp.
- D. tinh hoàn.

Bài 39: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT

Câu 1: Ở nhiệt độ nào thì cá rô – phi ngừng lớn và ngừng đẻ?

- A. 16 – 18° C
- B. 26 – 28° C
- C. 6 – 8° C
- D. (-8) – (-6)° C

Câu 2: Trong sinh trưởng và phát triển ở động vật, nếu thiếu coban thì gia súc sẽ mắc bệnh thiếu máu ác tính, dẫn tới giảm sinh trưởng. Hiện tượng này là ảnh hưởng của nhân tố:

- A. ánh sáng.
- B. nhiệt độ.
- C. thức ăn.
- D. độ ẩm.

Câu 3: Vì sao đối với động vật biến nhiệt khi trời rét thì sinh trưởng và phát triển chậm?

- A. Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm làm hạn chế tiêu thụ năng lượng.
- B. Vì thân nhiệt không giảm, cao hơn nhiệt độ môi trường nên mất nhiều nhiệt vào môi trường xung quanh.
- C. Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản giảm.

D. Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.

Câu 4: Tại sao tắm vào lúc ánh sáng yếu có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của trẻ nhỏ?

A. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá canxi để hình thành xương.

B. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò ôxi hoá để hình thành xương.

C. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá kali để hình thành xương.

D. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá natri để hình thành xương.

Câu 5: Tác dụng của việc ấp trứng ở các loài chim là:

A. Truyền năng lượng từ bố mẹ sang trứng để trứng phát triển tốt.

B. Hạn chế sự tiếp xúc giữa vỏ trứng với không khí để giữ nhiệt.

C. Tạo ra nhiệt thích hợp cho hợp tử phát triển bình thường.

D. Làm tăng nhiệt giúp trứng nhanh nở.

Câu 6: Tại sao vào những ngày mùa đông cần cho gia súc non ăn nhiều thức ăn hơn để chúng có thể sinh trưởng và phát triển bình thường?

A. Đối với gia súc non, mùa đông ăn nhiều mới đủ chất để phát triển bộ xương do ít ánh sáng.

B. Đối với gia súc non, mùa đông lạnh giá ăn nhiều mới đủ năng lượng để chống rét.

C. Đối với gia súc non, mùa đông lạnh giá gây mất nhiều nhiệt, nếu không tăng khẩu phần ăn sẽ làm chậm quá trình sinh trưởng.

D. Đối với gia súc non, mùa đông ăn nhiều mới đủ để cung cấp năng lượng cho sự phát triển bộ xương - hệ cơ

Câu 7: Thiếu chất gì thì động vật chậm lớn và gầy yếu, dễ mắc bệnh?

A. Vitamin

B. Lipit

C. Axit amin

D. Prôtêin

Câu 8: Ý nào sau đây không phải là biện pháp điều khiển sinh trưởng - phát triển ở động vật và người?

A. Cải thiện chất lượng dân số.

B. Cải thiện môi trường sống của động vật.

C. Cải tạo giống.

D. Luôn làm mát không khí nơi có động vật ở.

Bài 41: SINH SẢN VÔ TÍNH Ở THỰC VẬT

Câu 1: Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản

A. không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái

B. có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái

C. tạo ra nhiều biến dị tổ hợp

D. thể hệ sau đa dạng về mặt di truyền

Câu 2: Hình thức sinh sản sinh dưỡng được thực hiện ở cây

A. khoai tây, cam, chanh, bưởi.

B. dâu tằm, xoài, nho, cam.

C. khoai lang, khoai tây, quýt, sắn.

D. sắn, dâu tây, rau diếp, sòng đời.

Câu 3: Để nhân giống cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành vì

A. cây con dễ trồng và ít công chăm sóc

B. phương pháp này giúp nhân giống nhanh và nhiều

C. phương pháp này tránh được sâu bệnh gây hại

D. phương pháp này rút ngắn thời gian sinh trưởng của cây, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả

Câu 4: Sinh sản bào tử có ở những ngành thực vật nào?

A. Rêu, hạt trần.

B. Rêu, quyết.

C. Quyết, hạt kín.

D. Quyết, hạt trần.

Câu 5: Sinh sản sinh dưỡng là:

A. Tạo ra cây mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng ở cây.

B. Tạo ra cây mới chỉ từ rễ của cây.

C. Tạo ra cây mới chỉ từ một phần thân của cây.

D. Tạo ra cây mới chỉ từ lá của cây.

Câu 6: Đa số cây ăn quả được trồng trọt mở rộng bằng:

A. Gieo từ hạt. B. Ghép cành. C. Giâm cành. D. Chiết cành.

Câu 7: Trong thiên nhiên cây tre sinh sản bằng:

- A. Rễ phụ. B. Lóng. C. Thân rễ. D. Thân bò.

Câu 8: Đặc điểm của bào tử là:

- A. Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây đơn bội.
B. Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây lưỡng bội.
C. Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây đơn bội.
D. Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây lưỡng bội.

Câu 9: Phương pháp trồng cây nào sau đây dễ xuất hiện biến dị ở cây con so với cây bố mẹ?

- A. Gieo hạt B. Chiết cành C. Ghép cành D. Giâm cành

Câu 10: Khi trồng cây bằng phương pháp chiết cành, người ta nên chọn cây nào sau đây?

- A. Cây đã ra hoa, quả nhiều lần
B. Cây đã lớn nhưng chưa cho quả lần nào
C. Cây có cành nhiều lá xanh
D. Cây có nhiều nhánh lớn

Bài 42: SINH SẢN HỮU TÍNH Ở THỰC VẬT

Câu 1: Điều không đúng khi nói về quả là

- A. quả do bầu nhụy dày sinh trưởng lên chuyển hóa thành
B. quả không hạt đều là quả đơn tính
C. quả có vai trò bảo vệ hạt
D. quả có thể là phương tiện phát tán hạt

Câu 2: Tế bào hạt phấn gồm

- A. tế bào noãn và tế bào sinh tinh. C. tế bào sinh sản và tế bào dinh dưỡng.
B. tế bào kèm và tế bào đối cực. D. tế bào noãn cầu và tế bào nhân cực.

Câu 3: Nhược điểm của sinh sản hữu tính là

- A. khi mật độ các thể hệ thấp, quá trình thụ tinh gặp khó khăn.
B. khó thích nghi, tồn tại và phát triển khi môi trường sống không ổn định.
C. số lượng cá thể tạo ra ít, khó duy trì nòi giống cho các thế hệ sau.
D. quá trình thụ phấn và thụ tinh phụ thuộc nhiều vào điều kiện ngoại cảnh.

Câu 4: Thụ phấn là:

- A. Sự kéo dài ống phấn trong vòi nhụy.
B. Sự di chuyển của tinh tử trên ống phấn.
C. Sự nảy mầm của hạt phấn trên núm nhụy
D. Sự rơi hạt phấn vào núm nhụy và nảy mầm.

Câu 5: Thụ phấn chéo là:

- A. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác loài.
B. Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng một hoa hay khác hoa của cùng một cây.
C. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài.
D. Sự kết hợp giữa tinh tử và trứng của cùng hoa.

Câu 6: Ý nào không đúng khi nói về hạt?

- A. Hạt là noãn đã được thụ tinh phát triển thành.
B. Hợp tử trong hạt phát triển thành phôi.
C. Tế bào tam bội trong hạt phát triển thành nội nhũ.
D. Mọi hạt của thực vật có hoa đều có nội nhũ.

Câu 7: Đặc điểm *không* phải của sinh sản hữu tính

- A. có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.
B. có các quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.
C. có sự trao đổi, tái tổ hợp vật chất di truyền.
D. các con sinh ra giống nhau và giống với cơ thể mẹ.

Câu 8: Ở hoa thụ phấn nhờ gió, có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hoa có hương thơm
B. Hạt phấn có chất dính

C. Đầu nhụy dài, có nhiều long đính

D. Có tuyến tiết mật

Câu 9: Ở quả chín không xảy ra hiện tượng nào sau đây?

A. Carotenoit được tổng hợp nhiều hơn

B. Lượng axits hữu cơ tăng

C. Xenlulozo vách tế bào bị thủy phân

D. Các hợp chất este, andehit, xeton...

Câu 10: Quá trình nào sau đây vừa là cơ sở của sinh sản vô tính, vừa có vai trò trong sinh sản hữu tính?

A. Nguyên phân

B. Giảm phân

C. Thụ tinh

D. Nguyên phân, giảm phân và thụ tinh

TỰ LUẬN

Bài 1: Khi ghép cành tại sao phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép và phải buộc chặt cành ghép (hoặc mắt ghép) vào gốc ghép? Nêu những ưu điểm của cành chiết và cành giâm so với cây trồng mọc từ hạt.

Bài 2: Tại sao nói sinh sản hữu tính làm tăng khả năng thích nghi và giúp cho quần thể tồn tại được trong môi trường biến động?

Câu 3: Vì sao thụ tinh ở thực vật có hoa được gọi là thụ tinh kép?

Câu 4: Phân biệt sinh trưởng và phát triển giữa châu chấu và bướm theo tiêu chí bảng sau:

Tiêu chí phân biệt	Bướm	Châu chấu
Đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lí giữa con non và con trưởng thành		
Qua giai đoạn biến đổi trung gian, lột xác không?		

Câu 5: Tại sao thiếu iôt trong thức ăn và nước uống, động vật non và trẻ em chậm hoặc ngừng lớn, chịu lạnh kém, não ít nếp nhăn, trí tuệ thấp ?

Câu 6: Khi điều kiện sống thay đổi đột ngột có thể dẫn đến hàng loạt cá thể sinh sản vô tính bị chết, tại sao?

Câu 7: Nêu ưu điểm và nhược điểm của sinh sản hữu tính?

ĐỀ MINH HỌA 1

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Giải phẫu mặt cắt ngang thân sinh trưởng thứ cấp theo thứ tự từ ngoài vào trong thân là:

A. Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây thứ cấp → Mạch rây sơ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

B. Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ sơ cấp → Gỗ thứ cấp → Tuỷ.

C. Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

D. Tầng sinh bần → Bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

Câu 2: Những nét hoa văn trên đồ gỗ có xuất xứ từ:

A. cây có vòng đời trung bình

B. vòng năm

C. cây có vòng đời dài

D. cây có vòng đời ngắn

Câu 3: Đặc điểm nào **không** có ở sinh trưởng thứ cấp?

A. Làm tăng kích thước chiều ngang của cây.

B. Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

C. Diễn ra hoạt động của tầng sinh bần.

D. Diễn ra hoạt động của mô phân sinh bên.

Câu 4: Hoocmon thực vật có tính chuyên hóa:

A. không có tính chuyên hóa

B. cao hoocmon ở động vật bậc cao

C. vừa phải

D. thấp hơn hoocmon ở động vật bậc cao

Câu 5: Hoocmôn thực vật nào sau đây có vai trò thúc quả chóng chín, rụng lá?

- A. AIA. B. Êtilen. C. GA. D. Xitôkinin.

Câu 6: Tương quan hoocmôn GA/AAB trong hạt nảy mầm như sau:

- A. GA và AAB giảm mạnh
B. AAB tăng nhanh, đạt trị số cực đại; GA giảm mạnh.
C. GA tăng nhanh, đạt trị số cực đại; AAB giảm mạnh.
D. GA và AAB đạt trị số cực đại.

Câu 7: Những hoocmôn môn thực vật thuộc nhóm ức chế sự sinh trưởng là:

- A. Gibêrelin, êtylen. B. Auxin, xitôkinin.
C. Auxin, gibêrelin. D. Etylen, Axit abxixic.

Câu 8: Auxin có vai trò:

- A. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra quả.
B. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra hoa.
C. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra lá.
D. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra rễ phụ.

Câu 9: Cây ngày dài là:

- A. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng nhỏ hơn 12 giờ.
B. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 8 giờ.
C. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 14 giờ.
D. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 10 giờ.

Câu 10: Sắc tố tiếp nhận ánh sáng trong phản ứng quang chu kì của thực vật là:

- A. diệp lục b B. phitôcrôm
C. Carôtenôit D. diệp lục b và phitôcrôm

Câu 11: Các cây trung tính là:

- A. Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía. B. Cà chua, lạc, ngô, hướng dương.
C. Thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương. D. Hành, cà rốt, cà phê, sen cạn, lúa.

Câu 12: Cây cà chua đến tuổi lá thứ mấy thì ra hoa?

- A. Lá thứ 14. B. Lá thứ 15. C. Lá thứ 12. D. Lá thứ 13.

Câu 13: Phitôcrôm là:

- A. sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin.
B. sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là phi prôtêin.
C. Sắc tố cảm nhận quang chu kì nhưng không cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin.
D. Sắc tố cảm nhận quang chu kì nhưng không cảm nhận ánh sáng, có bản chất là phi prôtêin.

Câu 14: Những động vật sinh trưởng và phát triển không qua biến thái là:

- A. Bọ ngựa, gà, châu chấu, tôm. B. Gà, cá chép, khỉ, rắn.
C. Gà, ếch, rắn, muỗi. D. Bọ ngựa, cào cào, gà, cá chép.

Câu 15: Quá trình phát triển của động vật đẻ trứng gồm giai đoạn:

- A. hậu phôi B. Phôi thai và sau khi sinh
C. phôi D. phôi và hậu phôi

Câu 16: Vì sao nói quá trình sinh trưởng - phát triển của muỗi thuộc loại biến thái hoàn toàn?

- A. Giai đoạn bọ gây khác muỗi trưởng thành về hoạt động sinh lí.
B. Giai đoạn bọ gây khác muỗi trưởng thành về hình thái.
C. Giai đoạn bọ gây khác muỗi trưởng thành về cấu tạo.
D. Ấu trùng (bọ gây) rất khác muỗi trưởng thành về cấu tạo, sinh lí, và hình thái.

Câu 17: Phát triển qua biến thái hoàn toàn có đặc điểm là:

- A. Con non giống con trưởng thành. B. Con non tương tự con trưởng thành.
C. Con non khác con trưởng thành. D. Con non phát triển chưa hoàn thiện.

Câu 18: Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản

- A. không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái
B. có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái
C. tạo ra nhiều biến dị tổ hợp

D. thể hệ sau đa dạng về mặt di truyền

Câu 19: Hình thức sinh sản sinh dưỡng được thực hiện ở cây

- A. khoai tây, cam, chanh, bưởi.
- B. dâu tằm, xoài, nho, cam.
- C. khoai lang, khoai tây, quýt, sắn.
- D. sắn, dâu tây, rau diếp, sồng đò.

Câu 20: Để nhân giống cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành vì

- A. cây con dễ trồng và ít công chăm sóc
- B. phương pháp này giúp nhân giống nhanh và nhiều
- C. phương pháp này tránh được sâu bệnh gây hại
- D. phương pháp này rút ngắn thời gian sinh trưởng của cây, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả

Câu 21: Sinh sản bào tử có ở những ngành thực vật nào?

- A. Rêu, hạt trần.
- B. Rêu, quyết.
- C. Quyết, hạt kín.
- D. Quyết, hạt trần.

Câu 22: Sinh sản sinh dưỡng là:

- A. Tạo ra cây mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng ở cây.
- B. Tạo ra cây mới chỉ từ rễ của cây.
- C. Tạo ra cây mới chỉ từ một phần thân của cây.
- D. Tạo ra cây mới chỉ từ lá của cây.

Câu 23: Đặc điểm của bào tử là:

- A. Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây đơn bội.
- B. Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây lưỡng bội.
- C. Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây đơn bội.
- D. Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây lưỡng bội.

Câu 24: Điều không đúng khi nói về quả là

- A. quả do bầu nhụy dày sinh trưởng lên chuyển hóa thành
- B. quả không hạt đều là quả đơn tính
- C. quả có vai trò bảo vệ hạt
- D. quả có thể là phương tiện phát tán hạt

Câu 25: Tế bào hạt phấn gồm

- A. tế bào noãn và tế bào sinh tinh.
- C. tế bào sinh sản và tế bào dinh dưỡng.
- B. tế bào kèm và tế bào đối cực.
- D. tế bào noãn cầu và tế bào nhân cực.

Câu 26: Đặc điểm *không* phải của sinh sản hữu tính là

- A. có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.
- B. có các quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.
- C. có sự trao đổi, tái tổ hợp vật chất di truyền.
- D. các con sinh ra giống nhau và giống với cơ thể mẹ.

Câu 27: Nhược điểm của sinh sản hữu tính là

- A. khi mật độ các thể hệ thấp, quá trình thụ tinh gặp khó khăn.
- B. khó thích nghi, tồn tại và phát triển khi môi trường sống không ổn định.
- C. số lượng cá thể tạo ra ít, khó duy trì nòi giống cho các thế hệ sau.
- D. quá trình thụ phấn và thụ tinh phụ thuộc nhiều vào điều kiện ngoại cảnh.

Câu 28: Thụ phấn là:

- A. Sự kéo dài ống phấn trong vòi nhụy.
- B. Sự di chuyển của tinh tử trên ống phấn.
- C. Sự nảy mầm của hạt phấn trên núm nhụy
- D. Sự rơi hạt phấn vào núm nhụy và nảy mầm.

II. Tự luận

Bài 1: Khi ghép cành tại sao phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép và phải buộc chặt cành ghép (hoặc mắt ghép) vào gốc ghép? Nêu những ưu điểm của cành chiết và cành giâm so với cây trồng mọc từ hạt.

Bài 2: Tại sao nói sinh sản hữu tính làm tăng khả năng thích nghi và giúp cho quần thể tồn tại được trong môi trường biến động?

Câu 3: Vì sao thụ tinh ở thực vật có hoa được gọi là thụ tinh kép?

ĐỀ MINH HỌA 2

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Cây ngô sinh trưởng nhanh ở nhiệt độ:

- A. 22→35°C
- B. 15→37°C
- C. 37→44°C
- D. 10→37°C

Câu 2: Vì sao đối với động vật biến nhiệt khi trời rét thì sinh trưởng và phát triển chậm?

- A. Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm làm hạn chế tiêu thụ năng lượng.
- B. Vì thân nhiệt không giảm, cao hơn nhiệt độ môi trường nên mất nhiều nhiệt vào môi trường xung quanh.
- C. Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản giảm.
- D. Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.

Câu 3: Tại sao tắm vào lúc ánh sáng yếu có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của trẻ nhỏ?

- A. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá canxi để hình thành xương.
- B. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò ôxi hoá để hình thành xương.
- C. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá kali để hình thành xương.
- D. Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá natri để hình thành xương.

Câu 4: Mô phân sinh bên và phân sinh lông có ở vị trí nào của cây?

- A. Mô phân sinh bên có ở thân cây hai lá mầm, còn mô phân sinh lông có ở thân cây một lá mầm.
- B. Mô phân sinh bên và mô phân sinh lông có ở thân cây một lá mầm.
- C. Mô phân sinh bên có ở thân cây một lá mầm, còn mô phân sinh lông có ở thân cây hai lá mầm.
- D. Mô phân sinh bên và mô phân sinh lông có ở thân cây hai lá mầm.

Câu 5: Các loại hoocmon ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật không có xương sống là:

- A. testostêron và ostrôgen
- B. ecđixon và juvennin
- C. testostêron và ecđixon
- D. ostrôgen và juvennin

Câu 6: Thiếu vitamin nào thì động vật và người bị còi xương và chậm lớn?

- A. vitamin A
- B. vitamin B
- C. vitamin C
- D. vitamin D

Câu 7: Vì sao nói quá trình sinh trưởng - phát triển của muỗi thuộc loại biến thái hoàn toàn?

- A. Giai đoạn bọ gây khác muỗi trưởng thành về hoạt động sinh lí.
- B. Giai đoạn bọ gây khác muỗi trưởng thành về hình thái.
- C. Giai đoạn bọ gây khác muỗi trưởng thành về cấu tạo.
- D. Ấu trùng (bọ gây) rất khác muỗi trưởng thành về cấu tạo, sinh lí, và hình thái.

Câu 8: Phát triển qua biến thái hoàn toàn có đặc điểm là:

- A. Con non giống con trưởng thành.
- B. Con non tương tự con trưởng thành.
- C. Con non khác con trưởng thành.
- D. Con non phát triển chưa hoàn thiện.

Câu 9: Các cây trung tính là:

- A. Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.
- B. Cà chua, lạc, ngô, hướng dương.
- C. Thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương.
- D. Hành, cà rốt, cà phê, sen cạn, lúa.

Câu 10: Cây cà chua đến tuổi lá thứ mấy thì ra hoa?

- A. Lá thứ 14.
- B. Lá thứ 15.
- C. Lá thứ 12.
- D. Lá thứ 13.

Câu 11: Testostêron có vai trò:

- A. Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- B. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái
- C. Kích thích chuyển hoá ở tế bào và kích thích sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- D. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.

Câu 12: Phitôcrôm là:

- A. sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin.
- B. sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là phi prôtêin.
- C. Sắc tố cảm nhận quang chu kì nhưng không cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin.
- D. Sắc tố cảm nhận quang chu kì nhưng không cảm nhận ánh sáng, có bản chất là phi prôtêin.

Câu 13: Tương quan hoocmôn GA/AAB trong hạt nảy mầm như sau:

- A. GA và AAB giảm mạnh
- B. AAB tăng nhanh, đạt trị số cực đại; GA giảm mạnh.
- C. GA tăng nhanh, đạt trị số cực đại; AAB giảm mạnh.
- D. GA và AAB đạt trị số cực đại.

Câu 14: Quá trình phát triển của động vật đẻ trứng gồm giai đoạn:

- A. hậu phôi
- B. Phôi thai và sau khi sinh
- C. phôi
- D. phôi và hậu phôi

Câu 15: Những hoocmôn môn thực vật thuộc nhóm ức chế sự sinh trưởng là:

- A. Gibêrelin, êtylen.
- B. Auxin, xitôkinin.
- C. Auxin, gibêrelin.
- D. Etylen, Axit abxixic.

Câu 16: “Con non có đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lí giống với con trưởng thành, không trải qua giai đoạn lột xác”. Đây là kiểu sinh trưởng và phát triển:

- A. qua biến thái hoàn toàn.
- B. qua biến thái không hoàn toàn.
- C. không qua biến thái.
- D. qua biến thái.

Câu 17: Hoocmôn thực vật nào sau đây có vai trò thúc quả chóng chín, rụng lá?

- A. AIA.
- B. Êtilen.
- C. GA.
- D. Xitôkinin.

Câu 18: Sắc tố tiếp nhận ánh sáng trong phản ứng quang chu kì của thực vật là:

- A. diệp lục b
- B. phitôcrôm
- C. Carôtenôit
- D. diệp lục b và phitôcrôm

Câu 19: Ôstrôgen được sinh ra ở:

- A. Buồng trứng.
- B. Tuyến giáp.
- C. Tuyến yên.
- D. Tinh hoàn.

Câu 20: Những nét hoa văn trên đồ gỗ có xuất xứ từ:

- A. cây có vòng đời trung bình
- B. vòng năm
- C. cây có vòng đời dài
- D. cây có vòng đời ngắn

Câu 21: Đặc điểm nào **không** có ở sinh trưởng thứ cấp?

- A. Làm tăng kích thước chiều ngang của cây.
- B. Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.
- C. Diễn ra hoạt động của tầng sinh bản.
- D. Diễn ra hoạt động của mô phân sinh bên.

Câu 22: Ecdixon có tác dụng:

- A. Gây lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- B. Gây lột xác của sâu bướm, ức chế sâu biến thành nhộng và bướm.
- C. Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- D. Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kìm hãm sâu biến thành nhộng và bướm.

Câu 23: Auxin có vai trò:

- A. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra quả.
- B. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra hoa.
- C. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra lá.
- D. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra rễ phụ.

Câu 24: Hậu quả đối với trẻ em khi thiếu tirôxin là:

- A. Các đặc điểm sinh dục phụ nam kém phát triển.
- B. Các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.
- C. Người nhỏ bé hoặc khổng lồ.
- D. Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.

Câu 25: Sinh sản bào tử có ở những ngành thực vật nào?

- A. Rêu, hạt trần.
- B. Rêu, quyết.
- C. Quyết, hạt kín.
- D. Quyết, hạt trần.

Câu 26: Sinh sản sinh dưỡng là:

- A. Tạo ra cây mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng ở cây.
- B. Tạo ra cây mới chỉ từ rễ của cây.
- C. Tạo ra cây mới chỉ từ một phần thân của cây.
- D. Tạo ra cây mới chỉ từ lá của cây.

Câu 27: Thụ phấn chéo là:

- A. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác loài.
- B. Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng một hoa hay khác hoa của cùng một cây.
- C. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài.
- D. Sự kết hợp giữa tinh tử và trứng của cùng hoa.

Câu 28: Ý nào không đúng khi nói về hạt?

- A. Hạt là noãn đã được thụ tinh phát triển thành.

B. Hợp tử trong hạt phát triển thành phôi.

C. Tế bào tam bội trong hạt phát triển thành nội nhũ.

D. Mọi hạt của thực vật có hoa đều có nội nhũ.

II. Tự luận

Câu 1: Tại sao thiếu iôt trong thức ăn và nước uống, động vật non và trẻ em chậm hoặc ngừng lớn, chịu lạnh kém, não ít nếp nhăn, trí tuệ thấp ?

Câu 2: Tại sao khi điều kiện sống thay đổi đột ngột có thể dẫn đến hàng loạt cá thể sinh sản vô tính bị chết?

Câu 3: Nêu ưu điểm và nhược điểm của sinh sản hữu tính?

----- HẾT -----

